TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HSST
Ngày: 29/11/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Phạm Ngọc Trưng và bà Đỗ Thị Hải

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 24/2023/HSST ngày 25 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/HSST-QĐ ngày 14/11/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Khoa N– sinh ngày 08/4/1979, tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn M, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: nông. Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1958 và bà Phan Thị Hồng T1, sinh năm 1957; Vợ Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1979 (Đã ly hôn); Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 03/8/2023, bị Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 2 Điều 173 BLHS. Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Đ. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:* Anh Huỳnh Ngọc T2, sinh năm 1986; Trú tại: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) xây lắp Công nghiệp Q;

Địa chỉ: B N, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện của công ty: Ông Huỳnh Văn T3, chức vụ: Giám đốc.

Vắng mặt. (Có đơn xét xử vắng mặt).

- Công ty Đ1; Địa chỉ: số A L, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của công ty: Ông Đặng Công D– chức vụ: Phó Trưởng phòng Thanh tra bảo vệ và Pháp chế. Có mặt.

- Anh Trịnh Vũ H, sinh năm 1998; Trú tại: Khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bà Lê Thị R, sinh năm 1977; Trú tại: Khu phố T, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt. (Có đơn xin vắng mặt).

** Người làm chứng*:

- Anh Nguyễn Hoàng C, sinh năm 1984; Trú tại: Thôn Q, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt. (Có đơn xin vắng mặt).

- Ông Hồ Phi T4, sinh năm 1973; Trú tại: Khu phố L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Hữu T5, sinh năm 1948; Trú tại: Khu phố A, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Ngọc T2 là thợ điện được Công ty TNHH X thuê thi công đường dây điện trung thế, sau khi thi công còn 523m dây điện trung thế 220V, loại cáp nhôm bọc lõi thép PVC/XLPE 12,7/24KV AC 95/16mm^2 thì T2 để tại thôn P, xã A, huyện T. Đến khoảng 07 giờ 10 phút ngày 11/01/2023, do thiếu tiền nên N nảy sinh ý định trộm cuộn dây nên điện thoại cho Trịnh Vũ H để thuê chở cuộn dây đến khu đất trống của ông Nguyễn Hữu T5 ở khu phố A, phường X, thị xã S, N trả số tiền 900.000 đồng cho H. Để dễ bán, N dùng kìm cắt cuộn dây điện thành từng đoạn rồi sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 78L1-3755 đứng tên Nguyễn Hoàng C là em ruột N cho N năm 2018 chở số đoạn dây điện đem đến điểm thu mua phế liệu của bà Lê Thị R tại khu phố T, phường X, thị xã S bán theo giá nhôm phế liệu với tổng số tiền 4.000.000 đồng rồi N sử dụng tiêu xài. Vào ngày 16/01/2023, N tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tại thành phố T thì bị CQĐT Công an thành phố T phát hiện, N tự khai vụ việc nên CQĐT Công an thành phố T thông báo cho Cơ quan điều tra Công an huyện T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 12/KL- HĐĐG ngày 28/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị 523m dây điện trung thế 220V, loại cáp nhôm bọc lõi thép PVC/XLPE 12,7/24KV AC 95/16mm^2 là 31.353.850 đồng (bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Vật chứng vụ án: 01 (một) kìm cộng lực bằng kim loại dài 1,04m, tay nắm bằng nhựa màu đen, đã qua sử dụng; 01 đoạn dây điện dài 1,05m, vỏ bọc nhựa màu đen, bên trong có 07 lõi nhôm, trên vỏ dây điện có ghi chữ DAILONG 2022 ACWBCC 95/16mm2 12,7/22(24) kV-CĐBP.

Về dân sự: Người bị hại Huỳnh Ngọc T2 yêu cầu bị cáo Nguyễn Khoa N bồi thường số tiền 28.503.500 đồng, Nguyễn Khoa N đã bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Công Ty TNHH X và anh Huỳnh Ngọc T2 có biên bản thỏa thuận bồi thường thiệt hại ngày 01/8/2023 về việc Huỳnh Ngọc T2 có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty TNHH X số tiền 18.503.500đ.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKSTA ngày 14/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An truy tố bị cáo Nguyễn Khoa N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố, bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi của mình và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Đ1 do ông Đặng Công D đại diện trình bày: Cuộn dây điện mà bị cáo N trộm cắp là tài sản mà Công ty Đ1 cung cấp Công ty TNHH X theo hợp đồng thi công xây lắp số 39/HĐ-PYPC&CNQN ngày 30/3/2022. Theo hợp đồng thì Công ty Đ1 đã giao toàn bộ tài sản theo hợp đồng cho Công ty TNHH X thi công, do đó mọi trách nhiệm rủi ro là của Công ty TNHH X. Do đó, đối với vụ việc này, Công ty Đ1 không có yêu cầu gì. Mọi yêu cầu hay trách nhiệm đều thuộc Công Ty TNHH X.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Vũ H trình bày: Hổ là người chở cuộn dây điện do bị cáo N thuê với giá 900.000đ, nhưng H không biết nguồn gốc cuộn dây diện là tài sản do N trộm cắp mà có.

- Bị hại Huỳnh Ngọc T2 vắng mặt nên không có lời trình bày.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH X có đơn xét xử vắng mặt đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố phát biểu luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo: Nguyễn Khoa N phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Khoa N từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Áp dụng khoản 1 Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 76/2023/HSST ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung. Thời hạn tù tính từ ngày 22/9/2023.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bị hại, buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 18.503.500đ cho bị hại Huỳnh Ngọc T2. Công ty TNHH X có đơn xin vắng mặt và không có yêu cầu gì nên ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị hại và Công ty TNHH X tại giai đoạn điều tra.

- Về vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 (một) kìm cộng lực bằng kim loại dài 1,04m, tay nắm bằng nhựa màu đen, đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho anh Huỳnh Ngọc T2 01 đoạn dây điện dài 1,05m, vỏ bọc nhựa màu đen, bên trong có 07 lõi nhôm, trên vỏ dây điện có ghi chữ DAILONG 2022 ACWBCC 95/16mm2 12,7/22(24) kV-CĐBP.

Trong phần đối đáp, không phát sinh tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ 10 phút ngày 11/01/2023, tại thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên, Nguyễn Khoa N lợi dụng sự sơ hở của anh Huỳnh Ngọc T2 trong việc quản lý tài sản, đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 523m dây điện trung thế 220V, loại cáp nhôm bọc lõi thép trị giá 31.353.850 đồng của anh Huỳnh Ngọc T2.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Do đó, Cáo trạng của VKSND huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Nguyễn Khoa N về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác là đối tượng được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì muốn có tiền cho nhu cầu cá nhân, mà bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là người vào ngày 03/8/2023, bị Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét trong quá trình điều tra bị cáo tự khai nhận hành vi đã thực hiện với cơ quan điều tra Công an thành phố Tuy Hòa, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường khắc phục thiệt hại số tiền 10.000.000đ nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo. Xét thấy việc Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ nên chấp nhận.

- Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với Trịnh Vũ H là người chở cuộn dây điện, Lê Thị R là người mua đoạn dây điện bị cắt nhưng H và R không biết nguồn gốc cuộn dây diện là tài sản do N phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy An không xem xét xử lý là có căn cứ.

[3] Về trách nhiệm dân sự: tại giai đoạn điều tra bị hại anh Huỳnh Ngọc T2 yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường đối với tài sản bị chiếm đoạt với số tiền là 18.503.500đ; Xét thấy yêu cầu của bị hại là chính đáng và tại phiên bị cáo chấp nhận yêu cầu của bị hại; Do đó, HĐXX ghi nhận, buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Huỳnh Ngọc T2 số tiền 18.503.500đ.

Đối với Công ty TNHH X có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị giải quyết theo pháp luật và không có yêu cầu gì khác. Do đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận giữa Công ty TNHH X và bị hại tại giai đoạn điều tra về việc Huỳnh Ngọc T2 có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty TNHH X số tiền 18.503.500đ theo biên bản thỏa thuận bồi thường thiệt hại ngày 01/8/2023 tại Cơ quan điều tra Công an huyện Tuy An.

[4] Về vật chứng vụ án: + 01 (một) kìm cộng lực bằng kim loại dài 1,04m, tay nắm bằng nhựa màu đen, đã qua sử dụng: Là công cụ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

+ 01 đoạn dây điện dài 1,05m, vỏ bọc nhựa màu đen, bên trong có 07 lõi nhôm, trên vỏ dây điện có ghi chữ DAILONG 2022 ACWBCC 95/16mm2

12,7/22(24) kV-CĐBP: không liên quan đến việc thực hiện tội phạm nên trả lại cho anh Huỳnh Ngọc T2.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 của BLHS;

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Khoa N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Khoa N 01 (một) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 76/2023/HSST ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Buộc bị cáo Nguyễn Khoa N phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (ngày 22/9/2023).

2. Về Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của BLHS, Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Khoa N phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Huỳnh Ngọc T2 số tiền 18.503.500đ *(Mười tám triệu năm trăm lẻ ba nghìn năm trăm đồng)*;

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa Công ty TNHH X và bị hại Huỳnh Ngọc T2 tại giai đoạn điều tra về việc Huỳnh Ngọc T2 có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty TNHH X số tiền 18.503.500đ theo biên bản thỏa thuận bồi thường thiệt hại ngày 01/8/2023 tại Cơ quan điều tra Công an huyện Tuy An.

3. Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) kìm cộng lực bằng kim loại dài 1,04m, tay nắm bằng nhựa màu đen, đã qua sử dụng.

+ Trả cho Huỳnh Ngọc T2: 01 đoạn dây điện dài 1,05m, vỏ bọc nhựa màu đen, bên trong có 07 lõi nhôm, trên vỏ dây điện có ghi chữ DAILONG 2022 ACWBCC 95/16mm2 12,7/22(24) kV-CĐBP.

(Các vật chứng nói trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22 tháng 9 năm 2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy An và Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Khoa N phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 925.175đ *(Chín trăm hai mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Phú Yên (1)
- VKSND huyện Tuy An (1)
- VKSND tỉnh Phú Yên (1)
- Cơ quan CSĐT CA huyện Tuy An (1)
- Sở Tư pháp (1)
- Chi cục THADS huyện Tuy An (1)
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tuy An
- Bị cáo (1); Bị hại (1); người có QLNVLQ
- Lưu hồ sơ (2); Án Văn (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền